

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2013**/UBND-NN

V/v: Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Quảng Trị, ngày **05** tháng **6** năm 2015

Kính gửi:

- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Ngày 18/5/2015, Bộ Nông nghiệp và PTNT có quyết định số 1777/QĐ-BNN-KH về việc ban hành kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ (sao gửi kèm theo); UBND tỉnh có ý kiến như sau:

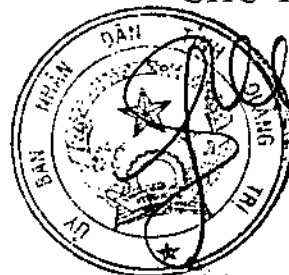
Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành theo quyết định nêu trên để xây dựng kế hoạch, tham mưu cho UBND tỉnh đề ra các nhiệm vụ cụ thể nhằm tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu các đơn vị phối hợp triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh: Hà Sỹ Đồng;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NN_T, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *tr***



Nguyễn Đức Chính

Số: 1777/QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện
Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ**

L	12858
	Ngày: 01/6
	Chuyên: BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

N^o 14 Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 26 NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X và Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

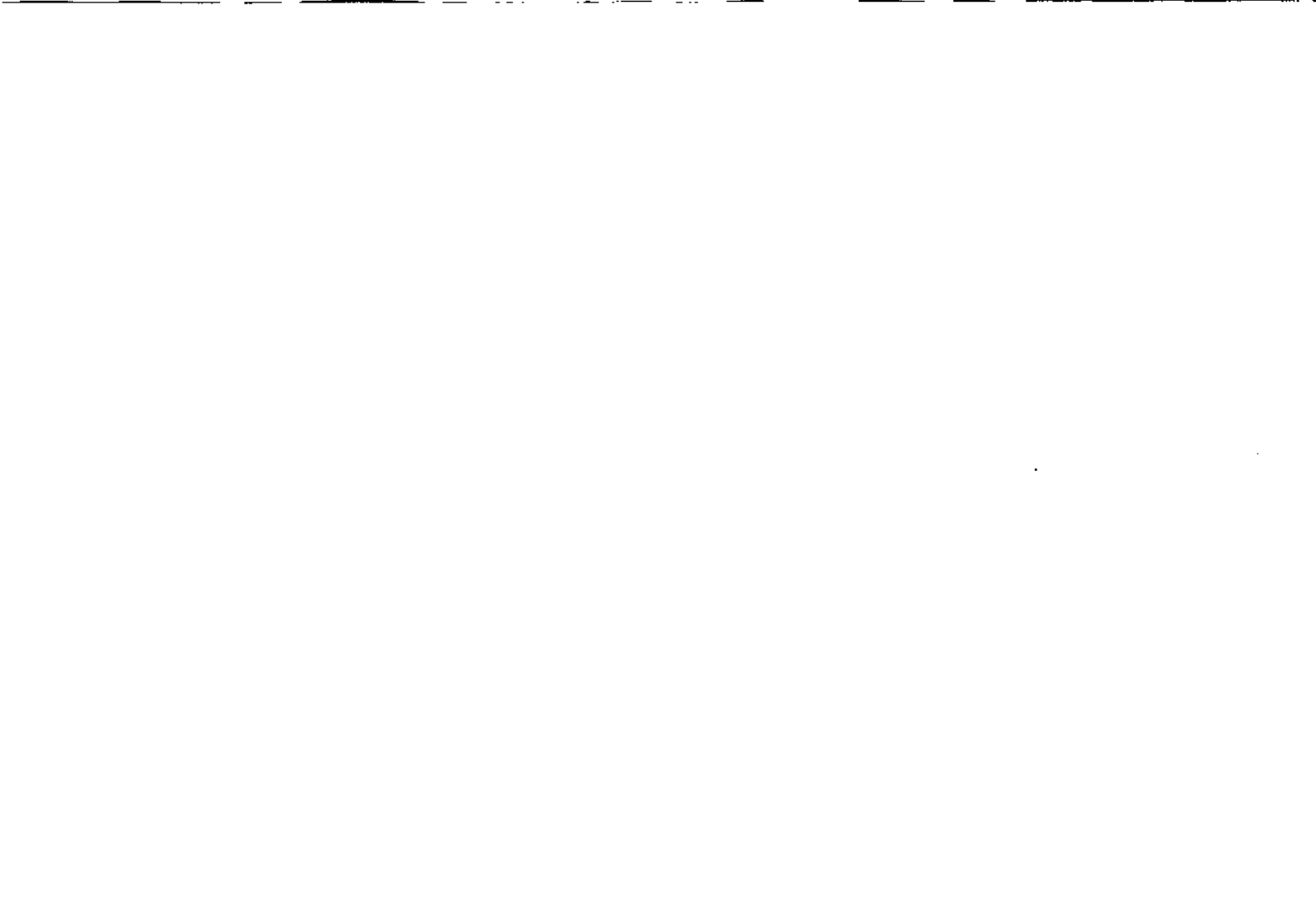
Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng CP (để b/c);
- Các Bộ, ngành Trung ương;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- ĐU Bộ NN&PTNT; ĐU Khối CS Bộ NN và PTNT tại TP. HCM;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu VT, KH. (280)



Cao Đức Phát



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/4/2015

của Thủ tướng Chính phủ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1777/QĐ-BNN-KH

Ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Triển khai thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 458/QĐ-TTg) ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị (Kết luận số 97-KL/TW) về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Tiếp tục tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Kết luận số 97-KL/TW và Quyết định số 458/QĐ-TTg, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và bổ sung các nhiệm vụ mới đối với Bộ, ngành nông nghiệp và PTNT.

2. Yêu cầu

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch các nhiệm vụ cụ thể, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát để tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) theo Kết luận số 97-KL/TW và Quyết định số 458/QĐ-TTg

- Các cơ quan, đơn vị và cấp ủy Đảng tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu và nội dung của Nghị quyết; nghiêm túc đánh giá những mặt còn hạn chế, nguyên nhân và các bài học rút ra sau 5 năm thực hiện Nghị quyết; trên cơ sở đó, có chương trình, kế hoạch chỉ đạo thực hiện, tổ chức kiểm tra, đôn đốc, kịp thời uốn nắn, tháo gỡ khó khăn, nhân rộng những điển hình, mô hình tốt.

Handwritten signature

- Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết đề từng cán bộ, đảng viên, các cơ sở đảng, các cơ quan, doanh nghiệp trong ngành và người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Rà soát, điều chỉnh, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch

- Tập trung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, trên cơ sở rà soát quy hoạch tổng thể, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành, phát triển hàng hóa nông nghiệp trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở xác định thế mạnh và sản phẩm chủ lực; kiên quyết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm trên từng địa bàn, địa phương, vùng và cả nước để vừa phát huy lợi thế của địa phương vừa quản lý sản xuất theo quy hoạch, theo chuỗi giá trị và phù hợp với cung, cầu thị trường.

- Các địa phương căn cứ vào quy hoạch tổng thể của ngành, căn cứ lợi thế, tình hình của địa phương mình xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

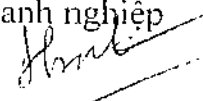
- Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, nhất là sự kết hợp giữa quy hoạch vùng với quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện công khai, minh bạch đối với các loại quy hoạch.

3. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

- Tập trung triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 và các đề án, kế hoạch chuyên đề đã được phê duyệt cụ thể hóa chủ trương, giải pháp thực hiện tái cơ cấu ở từng địa phương; tập trung thực hiện các giải pháp về đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao và tổ chức lại sản xuất để tạo chuyên biến rõ rệt..

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, xây dựng mới các chương trình, đề án, dự án phát triển các chuyên ngành, theo kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020, góp phần đạt được các mục tiêu của Nghị quyết.

- Tiếp tục xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông dân và các doanh nghiệp tham gia thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh ở nông thôn, nhất là các doanh nghiệp liên kết sản xuất với nông dân theo chuỗi giá trị, doanh nghiệp bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản, doanh nghiệp



sản xuất giống, vật tư nông nghiệp, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động tại chỗ.

- Tập trung thúc đẩy cơ giới hóa nông nghiệp, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm; phát triển các lĩnh vực sản xuất nông, lâm, thủy sản có lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh cao.

4. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, chú trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn các xã theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 15/7/2014.

- Tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, chuyên đề cho từng tiêu chí. Các địa phương tập trung phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu cấp xã, thôn, bản trực tiếp gắn với chuyển đổi cơ cấu sản xuất trên địa bàn xã theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với tiêu thụ nông, lâm, thủy sản để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Phấn đấu đến năm 2020 có khoảng 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Huy động các nguồn lực xã hội và ngân sách nhà nước đầu tư cho xây dựng nông thôn mới để đạt được mục tiêu đề ra; trong đó, ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Phối hợp thực hiện hiệu quả các chương trình và chính sách giảm nghèo theo các Nghị quyết của Chính phủ: số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020, số 70/NQ-CP ngày 01/11/2012 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra xây dựng mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình 135, Chương trình 30a; đẩy mạnh thực hiện Quyết định 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 về hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi giai đoạn 2014 - 2020; hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất để xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo, không tái nghèo; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân nông thôn, góp phần ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.

5. Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất, tập trung chỉ đạo phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, thủy sản phù hợp, hiệu quả

- Thực hiện đổi mới và nhân rộng các mô hình liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị có năng suất, hiệu quả cao phù hợp với từng ngành hàng, lĩnh vực, đặc biệt đối với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Thúc đẩy hợp tác, liên kết theo mô hình cánh đồng lớn, tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013; trên cơ sở đó, nghiên cứu xây dựng chính sách cho các lĩnh vực khác (chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản).

- Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tập trung cổ phần hóa doanh nghiệp, thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước theo Quyết định số

929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 và Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/3/2014. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành công khai, minh bạch tình hình tài chính của doanh nghiệp, kịp thời phát hiện ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính. Tiếp tục thực hiện các nhóm giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quyết định số 1231/QĐ-TTg ngày 07/9/2012 trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30 -NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị, Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ và Quyết định số 1059/QĐ-BNN-QLDN ngày 16/5/2014 về kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện Nghị quyết số 30 -NQ/TW. Rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất rừng, thu hồi diện tích sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả.

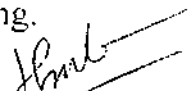
- Hoàn thành việc xây dựng Nghị định về hợp tác xã nông nghiệp; xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong các lĩnh vực chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản. Tập trung phát triển các hình thức hợp tác kinh tế phù hợp đối với từng lĩnh vực thủy lợi, trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản. Xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả; mô hình liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Tập trung đánh giá thực tiễn và đề xuất chính sách mới thúc đẩy kinh tế hộ gia đình, trang trại, gia trại phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, liên kết.

6. Thúc đẩy tiêu thụ và tăng cường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản; phối hợp giải quyết thị trường đầu ra cho nông sản để thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

- Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các giải pháp nêu tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ và Quyết định số 1177/QĐ-BNN-QLDN ngày 10/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016.

- Chủ động theo dõi chặt chẽ diễn biến cung - cầu, giá cả hàng nông sản, kịp thời thông tin cho doanh nghiệp và đề xuất cơ chế chính sách tiêu thụ kịp thời, hiệu quả, bảo đảm lợi ích cho nông dân, góp phần ổn định thị trường, đặc biệt, đối với các mặt hàng chủ lực và vật tư đầu vào thiết yếu cho sản xuất. Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để kịp thời định hướng sản xuất.

- Tổ chức thực hiện tốt Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ. Tập trung xúc tiến xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản vào các thị trường trọng điểm và mở rộng thị trường mới có nhiều tiềm năng.



- Thực hiện nghiêm công tác quản lý chất lượng hàng hóa, vệ sinh ATTP đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và vật tư nông nghiệp xuất, nhập khẩu; đẩy mạnh đàm phán, thỏa thuận với các nước nhập khẩu công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng các biện pháp bảo hộ chỉ dẫn địa lý, quy định nguồn gốc xuất xứ, chống gian lận thương mại, vi phạm pháp luật thương mại quốc tế.

7. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản

- Tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, nhất là hỗ trợ ứng dụng giống mới, giống chuyển gen ứng dụng công nghệ cao; trong bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm; ưu tiên nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành; ứng dụng sâu rộng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ viễn thám.

- Nghiên cứu tạo các chế phẩm công nghệ sinh học, thức ăn bổ sung trong chăn nuôi. Nghiên cứu phát triển và làm chủ công nghệ tạo giống bố mẹ và kỹ thuật nhân giống đối với một số giống thủy sản chủ lực. Xây dựng quy trình công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ và sản xuất các nguyên liệu phụ trợ trong sản xuất đồ mộc xuất khẩu và gỗ xây dựng từ nguồn nguyên liệu trong nước. Đẩy mạnh ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm cho một số loại cây trồng chủ lực (lúa, cà phê); ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi. Phát triển kỹ thuật điện và tự động hóa phục vụ bảo quản, chế biến nông sản; hoàn thiện công nghệ, thiết bị xử lý các phụ phẩm nông nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đa dạng hóa các tổ chức nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật. Đẩy mạnh thực hiện chính sách xã hội hóa trong hoạt động khoa học, công nghệ. Khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của doanh nghiệp vào nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình công nghệ sinh học, Chương trình sản phẩm quốc gia, Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trọng tâm là xây dựng và phát triển các khu và vùng, các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 về Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao, số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 về Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp công nghệ cao đến năm 2020.

- Đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác khuyến nông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của nhà nước và doanh nghiệp; thực hiện phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức của nông dân và doanh nghiệp để đào tạo và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân.

Handwritten signature

8. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Chuyển mạnh đào tạo nghề cho nông dân và lao động nông thôn sang đào tạo theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp và thị trường; gắn đào tạo nghề với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đào tạo nghề phải chi tiết, cụ thể và sát với thực tiễn, nhu cầu của lao động. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới. Hỗ trợ để một bộ phận lao động nông nghiệp học nghề và chuyển đổi sang làm nghề phi nông nghiệp.

- Lồng ghép và huy động các nguồn lực để dạy nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn, trọng tâm là đào tạo “nông dân nông cốt”. Trong đó, thực hiện chính sách ưu tiên hỗ trợ dạy nghề cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị thu hồi đất nông nghiệp, ngư dân.

9. Đổi mới cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực

a) Rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách nông, lâm, thủy sản phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Trong đó, tập trung vào các chính sách: (i) Khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, nghề muối và chế biến bảo quản sau thu hoạch; (ii) Tạo thuận lợi cho các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là trong các lĩnh vực đặc thù (áp dụng GAP; phát triển thụ tinh nhân tạo trong chăn nuôi...); (iii) Đào tạo cán bộ kỹ thuật, đào tạo nông dân, ngư dân, hình thành các cụm nghiên cứu - đào tạo - sản xuất công nghệ cao; (iv) Thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển kinh tế hợp tác, trang trại, gia trại, hộ gia đình và kinh tế tư nhân; (v) Thu hút nguồn vốn hỗ trợ phát triển và các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để tăng nguồn lực cho tái cơ cấu ngành.

b) Chính sách đất đai

- Phối hợp rà soát quy hoạch, bổ sung kế hoạch sử dụng đất cả nước và các địa phương giai đoạn 2016 - 2020 để phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các chính sách bảo vệ và sử dụng hiệu quả quỹ đất nông nghiệp, đặc biệt đối với đất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015; hạn chế việc thu hồi đất nông nghiệp cho các mục đích khác; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê đất nông nghiệp, khuyến khích tích tụ ruộng đất; tăng thời gian cho thuê đất, sử dụng đất đối với trang trại chăn nuôi.

- Tiếp tục nghiên cứu đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách về quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại các công ty nông, lâm nghiệp.

c) Chính sách tài chính, tiền tệ

- Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi các chính sách nhằm huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp và nông dân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện hiệu

HNK

qua Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 để phát triển đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong sản xuất và xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Tập trung thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013. Tích cực vận động nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế, nhất là Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) để đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

- Đề xuất Chính phủ tăng tỷ trọng vốn đầu tư của ngân sách nhà nước phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, phấn đấu đạt mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về quản lý tài chính, bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước liên quan đến ngành nông nghiệp, nông thôn.

- Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách thuế (thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, VAT...) và các khoản phí thu từ nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

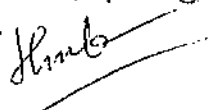
- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chính sách tín dụng cho khu vực nông nghiệp và nông thôn đảm bảo khả năng tiếp cận tín dụng phù hợp với từng đối tượng tham gia sản xuất, kinh doanh nông nghiệp; cho vay hộ gia đình với số lượng lớn hơn và vay theo tín chấp nhiều hơn, triển khai cho vay đối với hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi khép kín từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh, sức cạnh tranh cao.

- Hỗ trợ các hộ nghèo và hộ cận nghèo phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để được hưởng cơ chế cho vay từ tín dụng chính sách ưu đãi theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 về sửa đổi, bổ sung mức hỗ trợ phát triển sản xuất tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008.

d) Chính sách thương mại

- Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thương mại hàng nông sản. Rà soát, đề xuất điều chỉnh chính sách thương mại liên quan đến hàng nông, lâm, thủy sản và muối; các biện pháp kỹ thuật liên quan đến thương mại hàng nông sản, quy định sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý để các cam kết mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết vừa phù hợp với thông lệ quốc tế, thực hiện bảo vệ được sản xuất trong nước bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng; đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Thường xuyên cập nhật, thông báo về chính sách thương mại của các đối tác, các tổ chức quốc tế và các quốc gia để người sản xuất, kinh doanh nắm được và điều chỉnh phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả; chủ động tiếp cận, đàm phán với các đối tác, quốc gia để giải quyết những tranh chấp hoặc tháo gỡ rào cản thương mại.



- Rà soát, xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển thị trường, hỗ trợ xúc tiến thương mại hàng nông sản (cả trong và ngoài nước), thúc đẩy tiêu thụ nông sản; tập trung trước mắt cho các sản phẩm chủ lực, có khối lượng hàng hóa lớn.

- Rà soát các quy định về kiểm dịch thú y, bảo vệ thực vật, vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chuyên ngành; tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu, lưu thông hàng hóa trong nước.

- Phối hợp kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng nông, lâm, thủy sản.

10. Nâng cao năng lực bộ máy quản lý về nông nghiệp

- Kiện toàn tổ chức, tăng cường đào tạo nâng cao trình độ cán bộ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; xây dựng và tăng cường năng lực bộ máy chỉ đạo triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành.

+ Thực hiện hiệu quả Thông tư liên tịch số 14/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đề tổ chức các cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và PTNT thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, thống nhất, đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành từ Trung ương đến địa phương được thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

+ Kiện toàn hệ thống tổ chức của Bộ, ngành phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, theo Quyết định số 1291/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/6/2014. Thực hiện hiệu quả các đề án đổi mới công tác tổ chức cán bộ, các yêu cầu về xác định vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn công chức. Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính.

+ Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính và tiết kiệm thời gian, kinh phí từ các thủ tục hành chính; rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, chủ động phòng, chống thiên tai, bão, lũ... từ Trung ương đến địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch hành động này; định kỳ 6 tháng và cuối năm báo cáo tình hình thực hiện về Bộ Nông nghiệp và PTNT (qua Vụ Kế hoạch).

2. Giao Vụ Kế hoạch, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương theo dõi thực hiện Kế hoạch hành động này; định kỳ 6 tháng và cuối năm xây dựng trình Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Handwritten signature

3. Khen thưởng và kỷ luật: Hàng năm, Bộ tổ chức sơ kết, tổng kết, nhân rộng điển hình tốt, có hình thức khen thưởng tổ chức, cá nhân đạt thành tích xuất sắc và xử lý trách nhiệm người đứng đầu không thực hiện nghiêm Kế hoạch hành động này.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)./.

 **BỘ TRƯỞNG**
Phát
Cao Đức Phát

Phụ lục

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỰC HIỆN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 458/QĐ-TTG NGÀY 09/4/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~1777~~ /QĐ-BNN-KH
ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời hạn trình	Hình thức văn bản
I. XÂY DỰNG CÁC CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TỔNG THỂ				
1.	Chiến lược ngành Trồng trọt đến năm 2030	Cục Trồng trọt	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2.	Chiến lược ngành Chăn nuôi đến năm 2030	Cục Chăn nuôi	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
3.	Chiến lược ngành Lâm nghiệp đến năm 2030	Tổng cục Lâm nghiệp	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
4.	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Kế hoạch	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
5.	Rà soát, điều chỉnh Chiến lược Thủy lợi đến năm 2030	Tổng cục Thủy lợi	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Handwritten signature

6.	Rà soát, điều chỉnh Chiến lược ngành Thủy sản đến năm 2030	Tổng cục Thủy sản	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
7.	Chiến lược quốc gia về Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến 2030	Tổng cục Thủy lợi	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

II. XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

1.	Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020	Văn phòng Điều phối NTM Trung ương	Quý II-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2.	Các chương trình mục tiêu			
2.1	Chương trình mục tiêu phát triển thủy sản bền vững	Tổng cục Thủy sản	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2.2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	Tổng cục Lâm nghiệp	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
3.	Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	Ban Chủ nhiệm Chương trình KH và CN phục vụ xây dựng NTM; Vụ Khoa học, Công nghệ và MT	Quý IV-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Handwritten signature

III. XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1.	Xây dựng Luật Thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	2015 đến Quý I-2016	Luật
2.	Xây dựng Luật Thú y	Cục Thú y	Quý II-2015	Luật
3.	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy sản	Tổng cục Thủy sản	2015 đến Quý I-2016	Luật
4.	Xây dựng Luật Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp	2015 đến Quý I-2016	Luật
5.	Xây dựng Luật Chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	2015 đến Quý I-2016	Luật
6.	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh giống cây trồng	Cục Trồng trọt	2015 đến Quý I-2016	Pháp lệnh
7.	Chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản	Vụ Hợp tác quốc tế	Quý II-2015	Nghị định của Chính phủ
8.	Sửa đổi, bổ sung Nghị định về quản lý thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Quý II-2015	Nghị định của Chính phủ

Handwritten signature

9.	Nghị định về phát triển Hợp tác xã nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Quý II-2015	Nghị định của Chính phủ
10.	Nghị định về sản xuất và kinh doanh muối	Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối	Quý II-2015	Nghị định của Chính phủ
11.	Nghị định về sản xuất và kinh doanh mía đường	Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	Quý II-2015	Nghị định của Chính phủ
12.	Sửa đổi, bổ sung Nghị định về Khuyến nông	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	Quý II-2015	Nghị định của Chính phủ
13.	Nghị định của Chính phủ về giao khoán rừng, khoán vườn cây và khoán mặt nước nuôi trồng thủy sản	Vụ Quản lý doanh nghiệp; Tổng cục Lâm nghiệp	Quý II-2015	Nghị định của Chính phủ
14.	Chính sách hỗ trợ sản xuất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Quý II-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
15.	Quy định về lập và sử dụng quỹ xây dựng nông thôn mới ở các địa phương	BCN Chương trình KH và CN phục vụ xây dựng NTM; Vụ KHCN và MT	Quý IV-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Handwritten signature

16.	Chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Quý II-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
17.	Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản trong sản xuất nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Quý II-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
18.	Chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi bò sữa giai đoạn 2015-2020	Cục Chăn nuôi	Quý II-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
19.	Chính sách hỗ trợ thâm canh tăng năng suất Điều	Cục Trồng trọt	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
20.	Chính sách tái canh cây cà phê	Cục Trồng trọt	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
21.	Chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Cục Trồng trọt	Quý III-2015	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Handwritten signature

